

Bản án số: 184/2022/DS-ST

Ngày: 28/6/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên

Trong các ngày 02 và 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần XNK Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: 180 đường Nguyễn Văn T, Phường 8, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng M, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 567 đường B, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2010, Ngân hàng TMCP XNK (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Hoàng M ký kết với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức thẻ tín dụng là 45.000.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng, ngày 10/5/2010, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế VisaCard cho bà Trần Hoàng M, số thẻ VC513198. Sau khi được cấp thẻ, bà M đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ. Theo hợp đồng, hàng tháng Ngân hàng gửi các bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ, trong đó liệt kê chi tiết các giao dịch phát sinh trong tháng, các khoản phí, số dư nợ và yêu cầu chủ thẻ thanh toán đúng số tiền và thời hạn trong thông báo.

Thời gian đầu, bà Trần Hoàng M đã thanh toán tiền theo đúng hạn thông báo của Ngân hàng. Tuy nhiên từ ngày 03/9/2018, Bà M không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa đối với bà M và chuyển toàn bộ số nợ của bà M sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/6/2022, bà M còn nợ Ngân hàng 300.638.288 đồng gồm: Nợ gốc 279.034.998 đồng, nợ lãi 7.382.400 đồng, nợ phí trễ hạn 11.161.400 đồng, nợ phí vượt hạn mức 3.059.490 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Hoàng M phải trả toàn bộ khoản nợ 300.638.288 đồng cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 5, khoản 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam yêu cầu bị đơn bà Trần Hoàng M trả nợ thông qua giao dịch cấp thẻ tín dụng Visa, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Hoàng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng bà M không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, bà M vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn bà Trần Hoàng M vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc: Căn cứ vào Bản sao kê thẻ tín dụng quốc tế tháng 6/2022 do nguyên đơn cung cấp cho thấy bà Trần Hoàng M còn khoản nợ gốc với Ngân hàng là 279.034.998 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 279.034.998 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu về tiền lãi, tiền phí: Căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng sử dụng tín dụng quốc tế ngày 08/4/2010 Ngân hàng và bà M có thỏa thuận với nhau về lãi, phí khi sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Hoàng M phải thanh toán các khoản nợ lãi 7.382.400 đồng, nợ phí trễ hạn 11.161.400 đồng, nợ phí vượt hạn mức 3.059.490 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà Trần Hoàng M phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi 7.382.400 đồng, nợ phí trễ hạn 11.161.400 đồng, nợ phí vượt hạn mức 3.059.490 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Hoàng M phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu là 300.638.288 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà Mai phải chịu là 15.031.914 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Trần Hoàng M có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK số tiền 300.638.288 đồng (ba trăm triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng) gồm: nợ gốc 279.034.998 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi 7.382.400 đồng (bảy triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm đồng), nợ phí trễ hạn 11.161.400 đồng (mười một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm đồng), nợ phí vượt hạn mức 3.059.490 đồng (ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi đồng).

Tiền lãi, phí sẽ được tiếp tục tính từ ngày 29/6/2022 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/4/2010.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Hoàng M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.031.914 đồng (mười lăm triệu, không trăm ba mươi một nghìn, chín trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.902.559 đồng (một triệu chín trăm linh hai nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0049667 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà

Trần Hoàng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Hương